

Số: /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách
đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-ĐHHĐ ngày 06/12/2019; Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/05/2021 của Trường Đại học Hồng Đức ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng GDCT&CT HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký; được áp dụng từ học kỳ II, năm học 2022-2023 và thay thế quyết định 469/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 3. Trưởng phòng GDCT&CTHSSV, Trưởng phòng KHTC, Trưởng đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. GDCT&CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy
tại Trường Đại học Hồng Đức**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày /02/2023 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Hồng Đức)

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước và các văn bản về chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên (HSSV). Trường Đại học Hồng Đức hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV hệ chính quy như sau:

I. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ CON CỦA HỌ

Căn cứ:

- *Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.*

- *Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao động, Thương binh xã hội Hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.*

* **Thủ tục xin cấp giấy xác nhận** (theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, phòng GDCT&Công tác HSSV (được Hiệu trưởng uỷ quyền) cấp Giấy xác nhận (Mẫu số 02/UĐGD-Thông tư 36) cho HSSV hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH (HSSV xuất trình thẻ HSSV, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân để nhận giấy xác nhận).

II. QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ:

- *Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

2.1. Đối tượng không phải đóng học phí (theo Điều 14, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

Đối tượng không phải đóng học phí bao gồm: Người theo học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Các ngành chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2.2. Đối tượng được miễn học phí (theo Điều 15, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

a. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b. Học sinh, sinh viên khuyết tật.

c. Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

d. Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

e. Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

g. Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

h. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

i. Sinh viên thuộc chuyên ngành Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

k. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

l. Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

m. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2.3. Đối tượng được giảm học phí (theo Điều 16, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

a. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã

đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

2.4. Không thu học phí có thời hạn (theo Điều 17, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

2.5. Thủ tục hồ sơ (theo Điều 19, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí/hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí.

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng giấy tờ có liên quan đến đối tượng được miễn, giảm học phí (Thẻ thương binh, bệnh binh, Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, Chứng nhận người khuyết tật...).

2.6. Qui trình thực hiện

Theo Qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

III. QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỰ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sự phạm.

3.1. Đối tượng áp dụng (thực hiện theo Điều 1, Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020)

- Sinh viên học trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức đào tạo chính quy, liên hông chính quy và sinh viên học văn bằng thứ 2 theo hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên có kết quả học lực văn bằng thứ 1 đạt loại giỏi (sau đây gọi chung là sinh viên sự phạm).

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc cơ quan trực thuộc được uỷ quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo sinh viên sự phạm (sau đây gọi chung là cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu); các cơ sở đào tạo giáo viên và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào tạo.

- Không áp dụng đối với giáo viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020

của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

3.2. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ (thực hiện theo Điều 4, Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020)

- Mức hỗ trợ:

+ Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi theo học;

+ Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

- Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học.

3.3. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ (thực hiện theo Điều 6, Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020)

a. Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt gồm:

- Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách không công tác trong ngành giáo dục sau 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp;

- Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách và công tác trong ngành giáo dục nhưng không đủ thời gian công tác theo quy định.

- Sinh viên sư phạm được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành đào tạo khác, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học (thực hiện các trình tự, thủ tục theo hướng dẫn số 3442/SGDDĐT-QLĐT&GDTX ngày 25/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa).

b. Đối tượng không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt gồm:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục và có thời gian công tác tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng;

- Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp đang công tác trong ngành giáo dục, nhưng chưa đủ thời gian theo quy định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động bố trí công tác ngoài ngành giáo dục;

- Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp tiếp tục được cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cử đi đào tạo giáo viên trình độ cao hơn và tiếp tục công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian quy định.

c. Sinh viên sư phạm nghỉ học tạm thời, bị đình chỉ học tập tạm thời sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian nghỉ học hoặc bị đình chỉ học.

d. Sinh viên sư phạm dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo giáo viên xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định, thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

3.4. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo Điều 7, Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020)

- Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt.
- Sinh viên chỉ nộp 01 hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại trường.

3.5. Quy trình thực hiện

Có quy trình riêng theo các yêu cầu của Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.

IV. TRỢ CẤP XÃ HỘI

Căn cứ:

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

4.1. Đối tượng: HSSV hệ chính quy, bao gồm:

- a. Người dân tộc ít người ở vùng cao.
- b. Người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
- c. Người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
- d. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

4.2. Mức cấp, số tháng cấp, thời gian và thủ tục hồ sơ

a. Mức trợ cấp

+ 140.000 đồng/tháng đối với sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ 100.000 đồng/tháng cho HSSV thuộc diện trợ cấp xã hội còn lại.

b. Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng/năm, chia thành 02 đợt: đợt 1 cấp 04 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12 và đợt 2 cấp 08 tháng, từ tháng 01 đến tháng 8 hàng năm.

4.3. Thủ tục hồ sơ

Hồ sơ, gồm:

- Đơn xin hưởng Trợ cấp xã hội.
- Bản sao Giấy khai sinh.
- Bản sao công chứng giấy tờ có liên quan đến đối tượng được trợ cấp xã hội (Giấy chứng nhận hộ nghèo, Giấy chứng nhận vùng cao, đặc biệt khó khăn, Chứng nhận người khuyết tật, ... được các cơ quan có thẩm quyền từ cấp xã/ phường/thị trấn trở lên cấp).

4.4. Qui trình thực hiện

Theo Qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

V. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO VÀ HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ:

- Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS học tại các cơ sở GDĐT.

- Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên Bộ: GD&ĐT, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg.

5.1. Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách

Để hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, sinh viên phải đáp ứng đủ 2 điều kiện sau:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ;

- Thi đỗ vào học ĐH, CĐ hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng tại năm tham dự tuyển sinh theo đúng quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Ghi chú: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đã tham dự kỳ thi THPT Quốc gia, dùng một trong các phương thức xét tuyển đỗ vào trường Đại học Hồng Đức học hệ chính quy đều thuộc đối tượng hưởng chính sách này.

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập không áp dụng đối với SV: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học ĐH, CĐ sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

5.2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/năm học/SV, chia làm 2 đợt: đợt 1 từ tháng 9 đến tháng 12, đợt 2 từ tháng 01 đến tháng 06 hàng năm; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

5.3. Thủ tục hồ sơ

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (dùng cho SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo).

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5.4. Qui trình thực hiện

Theo Qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

VI. HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO.

Căn cứ:

- Luật Người khuyết tật (Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: GD&ĐT, LĐTB&XH, TC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

6.1. Đối tượng: HSSV hệ chính quy là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6.2. Mức học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập

HSSV là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ, được cấp 10 tháng/năm học và được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học (Nhà trường thực hiện cấp 2 lần/năm học: lần 1 từ tháng 9 đến tháng 12; lần 2 từ tháng 01 đến tháng 6 hàng năm).

6.3. Thủ tục hồ sơ

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị cấp tiền học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập.

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng Giấy xác nhận khuyết tật, Quyết định trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6.4. Qui trình thực hiện

Theo Qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

VII. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HB KKHT)

Căn cứ:

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 về Quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục.

7.1. Quỹ học bổng khuyến khích học tập

Quỹ HB KKHT được bố trí tối thiểu bằng 8% tổng nguồn thu học phí hệ chính quy. Đối với các ngành sư phạm (không phải đóng học phí) thì quỹ học bổng được trích tối thiểu bằng 8% từ nguồn học phí khi được Nhà nước cấp bù.

7.2. Đối tượng và tiêu chuẩn xét cấp học bổng khuyến khích học tập

7.2.1. Đối tượng: HSSV hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

7.2.2. Tiêu chuẩn

a. HSSV đạt danh hiệu HSSV Khá trở lên: Điểm TBC học tập của học kỳ đạt từ 2.50 (thang điểm 4) trở lên, xếp loại rèn luyện từ Khá trở lên; lấy điểm tổng kết của các môn học theo đúng chương trình đào tạo của từng kỳ học, không có học phần nào thi cuối kỳ đạt dưới điểm 5.0 (trừ các môn học giáo dục quốc phòng).

b. HSSV khóa tuyển sinh trước năm 2021 phải đạt tối thiểu 15 tín chỉ /học kỳ, từ khóa tuyển sinh 2021 phải đạt tối thiểu 16 tín chỉ/học kỳ, trừ học kỳ cuối của khóa học. Đối với HSSV được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập (theo Quy định

ban hành kèm theo Quyết định số 1087/QĐ-ĐHHD ngày 24/7/2020) muốn xét HB KKHT thì cần phải đăng ký thêm các học phần khác để đủ số tín chỉ cần thiết.

c. Trong học kỳ xét cấp HB KKHT không bị hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên (kể cả vi phạm quy chế thi, kiểm tra).

d. Số suất HB được xác định với số lượng không quá 7% tổng số HSSV theo ngành học, khoá học (chỉ tính số chẵn); nếu phần thập phân từ 0,5 trở lên thì làm tròn thêm 1 suất; nếu có từ 2 HSSV trở lên bằng điểm nhau thì suất HB cuối cùng được chia đều cho các HSSV đó; nếu số lượng HSSV đạt loại khá trở lên cao hơn số suất HB KKHT thì việc xét, cấp thực hiện theo thứ tự từ điểm cao xuống thấp, đến khi hết số suất HB đã xác định.

7.3. Phân loại học bổng khuyến khích học tập

a. Học bổng loại xuất sắc: HSSV có kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT đạt từ 3.60 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại xuất sắc.

b. Học bổng loại giỏi: HSSV có kết quả học tập đạt loại giỏi (điểm TBCHT đạt từ 3.20 đến 3.59) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT đạt từ 3.60 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt.

c. Học bổng loại khá: HSSV có kết quả học tập đạt loại khá (điểm TBCHT đạt từ 2.50 đến 3.19) và kết quả rèn luyện được xếp loại khá trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc hay giỏi (điểm TBCHT đạt từ 3.20 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại khá.

*** Ghi chú:**

Đối với sinh viên các ngành Sư phạm đào tạo theo chương trình chất lượng cao: mức cấp học bổng KKHT có thể được thay đổi theo từng năm học, tùy theo điều kiện thực tế của Nhà trường và được thực hiện theo Quyết định của Hiệu trưởng.

7.4. Thời gian, hồ sơ xét cấp học bổng khuyến khích học tập (Theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

- HB KKHT được thực hiện theo học kỳ, mỗi học kỳ cấp 5 tháng và cấp 10 tháng/năm học.

- Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của HSSV, lớp, khoa tổ chức họp xét cấp HB KKHT, hồ sơ bao gồm:

- Cấp lớp: Biên bản họp lớp và danh sách HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT (lưu tại khoa).

- Cấp khoa:

+ Biên bản họp xét cấp HB KKHT.

+ Thống kê số lượng HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT theo lớp, ngành học.

+ Danh sách HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT học kỳ-xếp thứ tự theo lớp, ngành đào tạo và đạt tiêu chuẩn về điểm học tập, rèn luyện từ cao đến thấp).

(Hồ sơ xét cấp HB KKHT của Khoa gửi về Nhà trường qua phòng GDCT & Công tác HSSV tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định).

VIII. HỌC BỔNG TÀI TRỢ

8.1. Học bổng tài trợ là học bổng của các cá nhân, tổ chức cấp cho HSSV thông qua Nhà trường

Tiêu chuẩn, số suất, giá trị mỗi suất, thời gian và thủ tục nhận học bổng do nhà tài trợ quy định.

8.2. Thực hiện cấp học bổng tài trợ

- Hằng năm, Hội khuyến học Nhà trường, phòng GDCT&Công tác HSSV, Đoàn TN, Hội SV nhận thông báo học bổng trực tiếp từ các cá nhân, tổ chức và đơn vị tài trợ, hoặc nhận gián tiếp thông qua các tổ chức, đơn vị trong trường. Căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ, các tổ chức, đơn vị chức năng trong Nhà trường phân bổ chỉ tiêu học bổng tài trợ cho các khoa và hướng dẫn lập hồ sơ xin cấp học bổng tài trợ.

- Các khoa, Liên chi đoàn, Liên chi hội căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ và hướng dẫn của Nhà trường để xét chọn và lập hồ sơ gửi về Hội khuyến học Nhà trường qua Phòng GDCT& Công tác HSSV để tổng hợp và gửi cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị tài trợ ra quyết định.

- Nhà trường tổ chức các chương trình để các nhà tài trợ trao học bổng cho HSSV vào thời gian thích hợp.

8.3. Quản lý nguồn tài trợ

Mọi nguồn học bổng tài trợ đều được gửi về tài khoản của Nhà trường qua số tài khoản 50110000120422 tại BIDV Thanh Hóa để thực hiện quản lý thống nhất, được tổng hợp và báo cáo Hội khuyến học Nhà trường. Khi có quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng tài trợ, các đơn vị, đoàn thể tổ chức trao cho HSSV.

8.4. Thủ tục hồ sơ *(Theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

Thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ, Hội khuyến học Nhà trường và Hội khuyến học các cấp.

IX. TÍN DỤNG ĐÀO TẠO

Căn cứ:

- *Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV;*

- *Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV;*

- *Văn bản số 3699/NHCS-TDSV của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg.*

9.1. Đối tượng được vay vốn

Đối tượng được vay vốn là HSSV có hoàn cảnh khó khăn đang theo học tại Trường Đại học Hồng Đức, cụ thể:

- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động;

- Hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật (theo Khoản 1 Điều 1, QĐ số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022).

- HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

9.2. Điều kiện được vay vốn

HSSV thuộc đối tượng nêu trên được vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay;

- HSSV năm nhất vừa trúng tuyển đại học phải có Giấy báo trúng tuyển của trường;

- HSSV từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

9.3. Mức vốn cho vay và lãi suất cho vay

- *Mức vốn cho vay*: theo khoản 2 Điều 1 Quyết định 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022, mức vốn cho vay tối đa là 4.000.000 đồng/tháng/sinh viên.

- *Lãi suất*: Lãi suất cho vay đối với sinh viên hiện nay là 0,55%/tháng (theo Quyết định 750/QĐ-TTg năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ).

9.4. Thủ tục vay vốn

Theo Hướng dẫn số 3699/NHCS-TDSV của Ngân hàng Chính sách xã hội, HSSV vay vốn viết Giấy đề nghị cho vay vốn theo mẫu kèm theo Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo trúng tuyển gửi cho Tổ tiết kiệm và vay vốn tại UBND cấp xã. Tổ này sẽ họp để bình xét cho vay, sau đó gửi Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận.

Sau khi có xác nhận, toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của HSSV sẽ được gửi cho Ngân hàng Chính sách xã hội để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

Ngân hàng Chính sách giải ngân vốn vay một năm 2 lần vào các kỳ học. Đến kỳ vay, HSSV hoặc người nhà mang Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân đến điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận tiền vay.

9.5. Thời hạn trả nợ

Kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Đối tượng được vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn (điều chỉnh theo khoản 4 Điều 1, QĐ 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022).

9.6. Thủ tục hồ sơ (*Theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

Vào đầu mỗi học kỳ, năm học, HSSV đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức thuộc đối tượng, có nhu cầu xin xác nhận để vay vốn tín dụng đăng ký với khoa theo lớp nộp về nhà trường qua phòng GDCT& Công tác HSSV; căn cứ danh sách đề nghị cấp giấy xác nhận vay vốn, Nhà trường sẽ tổ chức cấp giấy xác nhận cho HSSV hoặc HSSV có thể xuất trình Thẻ HSSV, chứng minh nhân dân/căn cước công dân để nhận giấy xác nhận trực tiếp tại phòng GDCT& CT HSSV).

X. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Trong trường hợp cùng lúc HSSV thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ chính sách thì HSSV chỉ được hưởng một chế độ chính sách cao nhất.

- Trẻ em mầm non theo học tại trường Mầm non thực hành trường Đại học Hồng Đức không được hưởng các chế độ chính sách vì không thuộc đối tượng được ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ.

- Các chế độ chính sách của người học được hưởng theo quy định, Nhà trường sẽ thực hiện chi trả sau khi nhận được kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phòng GDCT& Công tác HSSV là đơn vị chủ trì, đầu mối trong công tác thực hiện các quy trình, thủ tục về chế độ chính sách cho sinh viên.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính tham mưu và thực hiện chi trả kinh phí cho các đối tượng sinh viên theo quy định.

- Các Khoa, Bộ môn triển khai Hướng dẫn này đến các đối tượng sinh viên, đơn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, xác minh hồ sơ, giấy tờ để nộp về Phòng GDCT& Công tác HSSV đảm bảo theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tập thể và cá nhân phản ánh về Nhà trường qua phòng Giáo dục Chính trị và Công tác HSSV để tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp./.